

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Khoa học Trái đất; Chuyên ngành: Khoa học môi trường

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN ĐỨC TOÀN

2. Ngày tháng năm sinh: 12/12/1973; Nam ☒ Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Hoàng Hóa, Thanh Hóa.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 50, ngõ 23 Xuân La, Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): P.09.12 tòa T1, chung cư TSQ Euroland, làng Việt kiều Châu Âu, khu đô thị Mỗ Lao, Hà Đông, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0979716466.

E-mail: toantnmt@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 10/1995 đến tháng 11/2004: Giảng viên, Bộ môn Cấp thoát nước, Khoa Kỹ thuật môi trường, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội.

- Từ tháng 11/2004 đến tháng 02/2009: Giảng viên, Bộ môn Công nghệ và Quản lý môi trường, Khoa Kỹ thuật môi trường, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội.

- Từ tháng 02/2009 đến tháng 10/2009: Chuyên viên, Cục Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường, Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Từ tháng 11/2009 đến tháng 01/2011: Trưởng phòng Đánh giá và Thẩm định Công trình xử lý môi trường, Cục Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường, Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Từ tháng 01/2011 đến tháng 6/2011: Phó giám đốc phụ trách Trung tâm Tư vấn và Công nghệ môi trường, Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Từ tháng 6/2011 đến tháng 12/2014: Giám đốc Trung tâm Tư vấn và Công nghệ môi trường, Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Từ tháng 01/2015 đến tháng 11/2017: Cục trưởng Cục Quản lý khai thác biển và hải đảo, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Từ tháng 12/2017 đến tháng 12/2022: Hiệu trưởng Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Bộ Tài nguyên và Môi trường (từ tháng 8/2020).
- Từ tháng 01/2023 đến tháng 02/2025: Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; Chánh Văn phòng cơ quan thường trực Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Từ tháng 3/2025 đến nay: Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; Chánh Văn phòng cơ quan thường trực Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ Nông nghiệp và Môi trường (từ tháng 6/2025).

Chức vụ cao nhất đã qua: Cục trưởng, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ.

Cơ quan công tác hiện nay: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

Địa chỉ cơ quan: Số 10, đường Tôn Thất Thuyết, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh; Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường Đại học Huế; Trường Đại học Đà Nẵng.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm.... (chưa nghỉ hưu)

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 6 năm 1995; số văn bằng: A127246; ngành: Kỹ thuật môi trường, chuyên ngành: Cấp thoát nước - Môi trường nước; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 20 tháng 8 năm 1999; số văn bằng:; ngành: Khoa học môi trường; chuyên ngành: Quản lý môi trường đô thị; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Viện Công nghệ Châu Á (AIT), Thái Lan.

- Được cấp bằng TS ngày 22 tháng 5 năm 2006; số văn bằng: 04264; ngành: Kỹ thuật; chuyên ngành: Kỹ thuật môi trường; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:.....; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm, ngành:.....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Học viện Khoa học và Công nghệ - Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Khoa học Trái đất - Mỏ.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Đánh giá chất lượng môi trường.
- Công nghệ xử lý nước thải.
- Thích ứng Biến đổi khí hậu.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng): **01 NCS** bảo vệ thành công luận án TS (hướng dẫn phụ).
- Đã hướng dẫn (số lượng): **03 HVCH** bảo vệ thành công luận văn ThS (hướng dẫn chính **01 HVCH**)
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **01 đề tài cấp Nhà nước** (chủ nhiệm).
- Đã công bố (số lượng): **55** bài báo khoa học, trong đó 07 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế (có **05 bài báo trên tạp chí quốc tế uy tín**: **02** bài là tác giả đứng đầu và liên hệ; **01** bài là tác giả đứng đầu; **01** bài là tác giả đồng liên hệ, 01 bài là đồng tác giả)
- Đã được cấp (số lượng): **0** bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: **02** cuốn sách thuộc nhà xuất bản có uy tín (sách tham khảo)
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: **0**

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ TNMT, đã có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2012.
- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua ngành tài và môi trường của Bộ trưởng Bộ TNMT, đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua ngành tài nguyên và môi trường năm 2013.
- Bằng khen của Ban tổ chức giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam, đã có thành tích xuất sắc trong việc tuyên truyền, phổ biến và tổ chức Giải thưởng Sáng tạo Khoa học Công nghệ Việt Nam năm 2015.
- Bằng khen của Khối các cơ quan trung ương - Ban Chấp hành Đảng bộ - Đảng cộng sản Việt Nam, đạt tiêu chuẩn đảng viên “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” 5 năm liền 2011-2015.
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đã có thành tích xuất sắc đột xuất trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc năm 2016.
- Kỷ niệm chương vì sự nghiệp tài nguyên và môi trường của Bộ trưởng Bộ TNMT, đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành tài nguyên và môi trường năm 2017.
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có thành tích trong công tác từ năm 2014 đến năm 2018, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2025.
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ TNMT, đã có thành tích trong các phong trào thi đua chuyên đề năm 2021.
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ TNMT, đã có thành tích xuất sắc trong việc tham gia xây dựng Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đã được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp lần thứ 7, năm 2025.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Bản thân ứng viên tự đánh giá theo tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo giảng dạy tại trường Đại học được quy định trong Luật Giáo dục năm 2019 và Luật Giáo dục Đại học năm 2012 (sửa đổi năm 2018) như sau:

1.1. Tiêu chuẩn:

- Tư cách, phẩm chất đạo đức và tư tưởng tốt, luôn sống hòa đồng và biết chia sẻ, giúp đỡ mọi người xung quanh.
- Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp.
- Có lý lịch bản thân rõ ràng, lập trường và lý tưởng sống vững vàng và lành mạnh.
- Bản thân đã được đào tạo bài bản, đạt trình độ chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ; không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy và nêu gương tốt cho người học.

1.2. Nhiệm vụ:

- Giảng dạy theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục, đáp ứng đầy đủ và có chất lượng các chương trình giáo dục đại học và sau đại học được phân công và giao nhiệm vụ.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật, điều lệ Đảng và nội quy, quy định của nhà trường, nơi đang công tác.
- Giữ gìn phẩm chất, uy tín và danh dự của nhà giáo, luôn tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học.
- Thường xuyên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, rèn luyện trau dồi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học.
- Nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ, đảm bảo chất lượng đào tạo.
- Tham gia đầy đủ các công tác Đảng, đoàn thể và các công tác khác.
- Hoàn thành các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: **16 năm 05 tháng**, Trong đó, có **11 năm 05 tháng liên tục** là giảng viên cơ hữu tại Trường Đại học Xây dựng Hà Nội (14 năm công tác), trong thời gian đó ứng viên có tham gia thỉnh giảng tại các trường như Đại học Đà Nẵng, Đại học Huế, trường Đại học Khoa học Tự nhiên và **05 năm cuối liên tục** (tính đến thời điểm nộp hồ sơ 30/6/2025) ứng viên là giảng viên thỉnh giảng tại các Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh và trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học quốc gia Hà Nội. Ngoài ra, ứng viên có 05 năm là Hiệu trưởng trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường Bộ TNMT.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
02 năm học tại Trường Đại học Xây dựng Hà Nội								
1	2006-2007					261		261/447/311
2	2007-2008			01		298,5		298,5/497/311
02 năm học 2020 - 2021 và năm học 2021 - 2022								
3	2020-2021		01		05	105	15	120/206,4/135
4	2021-2022						125	125/228,75/135
03 năm học cuối tính đến ngày nộp hồ sơ (30/6/2025)								
5	2022-2023				04	110	50	160/216,79/135
6	2023-2024			02		101	60	161/206/135
7	2024-2025		01			15	178	193/311,35/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;
- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☒ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; tại nước: Thái Lan năm 1999

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng:

T T	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Vi Mai Hương	x			x	2013-2020	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	29/4/2020
2	Nguyễn Trung Sơn		x	x		2007-2008	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	15/11/2008
3	Đặng Đình Phúc		x		x	2023-2025	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	18/4/2025

T T	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
4	Lại Đức Ngân		x		x	2023-2025	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	QĐ cấp bằng số: 1392/QĐ-TĐHHN ngày 06/6/2025
5	Phạm Hữu Hiếu	x			x	2024-2028	Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm KHCNVN	Đang hướng dẫn

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I Trước khi được công nhận TS							
1	Kinh tế chất thải trong phát triển bền vững	TK	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2001	3		Trang 65 - 82	Xác nhận ngày 12/6/2025 của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN
2	Bảo vệ và quản lý tài nguyên nước	TK	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2009	4		Chương 1 (trang 5 - 37), Chương 2 (trang 38 - 72) và Chương 7 (213 - 258)	Xác nhận ngày 12/6/2025 của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN
II Sau khi được công nhận TS							
	Không có						

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: **0**.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I Trước khi được công nhận TS					
Không					
II Sau khi được công nhận /TS					
1	Nghiên cứu thiết kế mô hình làng sinh thái thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng cho khu vực đồng bằng sông Cửu Long	CN	Mã số: BDKH.13 Thuộc chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu Cấp Nhà nước mã số KHCN-BDKH/11-15 Cấp nhà nước	2012-2014	31/12/2014, Xếp loại khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận TS								
I.1 Bài báo trong nước								
1.	Xây dựng quy trình kiểm soát ô nhiễm môi trường nước do nước thải công nghiệp gây ra	3	Không	Tạp chí Cấp thoát nước			Số 4/2001, 31-35	2001
2.	Nghiên cứu xử lý nước thải bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang	3	Không	Xây dựng, ISSN 0866-8762			Số 8/2004, 27-29	2004

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I.2 Báo cáo khoa học								
3.	Mô hình BOD kiểm soát chất lượng nước Hồ Tây	1	Có	Tuyển tập công trình khoa học, Trường ĐH Xây dựng			2/1999, 24-29	1999
4.	Mô hình dự báo ô nhiễm do BOD và tình trạng phú dưỡng Hồ Tây	3	Không	Hội thảo khoa học Nâng cao chất lượng nước hồ Tây			1-15	2000
5.	Mô hình phi dưỡng quản lý chất lượng nước hồ Tây	2	Có	Hội nghị khoa học công nghệ Cán bộ khoa học trẻ, lần thứ nhất, Trường Đại học Xây dựng			147-156	2000
6.	The importance of urban drainage rivers and lakes in Vietnam	2	Không	Proceeding of The Second International Symposium on Southeast Asian Water Environment (Proceeding), 2004. December 1-3			341-347	2004
7.	Evaluation of current state and suggested solutions for integrated management of urban lakes in red-river delta	3	Có	International symposium on Southeast Asian water environment			202-207	2004
8.	Đề xuất các biện pháp quản lý tổng hợp hồ đô thị thuộc đồng bằng sông Hồng	2	Có	Tuyển tập báo cáo Hội nghị KHCN lần thứ 14, Quyển 3 Kỹ thuật môi trường, Trường Đại học Xây dựng			58-64	2004

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
II Sau khi được công nhận TS								
II.1 Bài báo quốc tế								
9.	Research on model-based on caculation of greenhouse gas emissions from domestic wastewater treatment system in Viet Nam	3	Không	Journal of Vietnam Environment, Technische Universitat Dresden ISSN 2193-6471 https://doi.org/10.13141/jve.vol8.no4.pp217-222			Vol.8, No4, 217-222	2016
10.	Numerical model for estimating greenhouse gas emmissions from pulp and paper industrial wastewater treatment systems in Vietnam	4	Không	Journal of Vietnam Environment, Technische Universitat Dresden, ISSN 2193-6471 https://doi.org/10.13141/jve.vol9.no3.pp162-168			Vol.9, No.3, 162-168	2018
11.	A study on using <i>Cyperus alternifolius</i> for horizontal subsurface flow constructed wetland in municipal wastewater treatment	3	Có	Chemical Engineering Transaction, ISSN 2283-9216 (https://doi.org/10.3303/CET2183088).	Tạp chí quốc tế uy tín: Scopus, (Q3)	2	Vol.83, 523-528	2021
12.	Simultaneous organic matter and nitrogen removal from piggery slaughterhouse wastewater using bioaugmented gaslift membrane bioreactor	6	Có	Clean - Soil, Air, Water, ISSN 1863-0650 (https://doi.org/10.1002/clen.202200106).	Tạp chí quốc tế uy tín: SCIE, (IF=1,9, Q3)	1	Vol 51, Issue 1, id 2200106, 1-6	2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
13.	Preparation and photocatalytic characterization of modified nano TiO ₂ /Nd/Rice husk ash material for rifampicin removal in aqueous solution	6	Không	Journal of Analytical Methods in Chemistry, ISSN:2090-8873 (https://doi.org/10.1155/2022/2084906).	Tạp chí quốc tế uy tín: SCIE (IF= 1,5, Q2)	3	Vol.2022, ID 2084906, 1-11	2022
14.	Performance and emission of a converted bio-fuel motorcycle engine in cold condition: A case study	6	Không	Energy Sources, Part A: Recovery, Utilization, and Environmental Effects, ISSN 1556-7036 https://doi.org/10.1080/15567036.2023.2191063	Tạp chí quốc tế uy tín: SCIE (IF=2,9, Q2)	2	Vol.45, No.1, 3056-3069	2023
15.	Nitrate, ammonium, and phosphate patterns from mangrove sediment cores near extensive aquaculture areas in the Red River Delta, Vietnam	6	Có	One Ecosystem (https://doi.org/10.3897/oneeco.10.e150217)	Tạp chí quốc tế uy tín: SCI (IF= 1,9, Q1)		No10: e150217, 1-19	2025
II.2 Bài báo trong nước								
16.	Xây dựng bản đồ định hướng cải tạo cảnh quan theo chức năng sinh thái môi trường sông Phan	7	Không	Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ĐHQGHN ISSN 0866-8612			26, 5S, 725-730	2010
17.	Xử lý nước thải sinh hoạt bằng công nghệ thâm lọc kết hợp trồng cây trong điều kiện Việt Nam	2	Có	Tài nguyên và Môi trường, ISSN 1859-1477			20, 130, 22-23	2011

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
18.	Nguy cơ ô nhiễm hóa học môi trường trầm tích và dự báo ô nhiễm vùng biển Vịnh Chân Mây - Lăng Cô	3	Có	Tài nguyên và Môi trường, ISSN 1859-1477			21, 131, 17-18	2011
19.	Kết quả nghiên cứu và chuyển giao công nghệ xử lý nước thải các cơ sở sản xuất dược phẩm	1	Có	Tài nguyên và Môi trường ISSN 1859-1477			23, 133, 23-25	2011
20.	Đặc điểm hóa học môi trường nước và dự báo ô nhiễm trong vùng biển Vịnh Chân Mây - Lăng Cô	3	Có	Tài nguyên và Môi trường, ISSN 1859-1477			24, 134, 19-21	2011
21.	Định hướng quy hoạch bảo vệ môi trường một số ngành, lĩnh vực tác động lớn đến môi trường lưu vực sông Cầu	3	Có	Tài nguyên và Môi trường, ISSN 1859-1477			4, 138, 16-19	2012
22.	Công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên lưu vực sông Cầu	2	Có	Tài nguyên và Môi trường, ISSN 1859-1477			5, 139, 23-25	2012
23.	Xử lý nước thải tại chỗ, nước mặn bằng năng lượng mặt trời cho các vùng biển, hải đảo	3	Có	Tài nguyên và Môi trường, ISSN 1859-1477			7, 141 21-22	2012
24.	Đặc điểm phân bố và nguy cơ ô nhiễm các chất hữu cơ OCPs, PCBs trong trầm tích tầng mặt vùng biển Vịnh Hạ Long	3	Có	Tài nguyên và Môi trường, ISSN 1859-1477			8, 142, 27-29	2012

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
25.	Yếu tố dinh dưỡng trong các hồ đô thị thuộc Đồng bằng sông Hồng	1	Có	Tài nguyên và Môi trường, ISSN 1859-1477			10, 144, 21-23	2012
26.	Một số tai biến vùng biển Tiên Yên và các giải pháp phòng tránh	2	Có	Tài nguyên và Môi trường, ISSN 1859-1477			15, 149, 15-17	2012
27.	Sử dụng công nghệ màng sinh học để xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng nước sông - hồ tại Việt Nam	2	Có	Môi trường, ISSN 1859-042X			Số 2/2012, 32-34	2012
28.	Nâng cao chất lượng môi trường nông thôn và miền núi	1	Có	Tài nguyên và Môi trường, ISSN 1859-1477			12, 170, 41-43	2013
29.	Sức khỏe môi trường, yếu tố quan trọng cho sự phát triển bền vững	2	Có	Tài nguyên và Môi trường, ISSN 1859-1477			17, 175, 26-27	2013
30.	Xây dựng bộ tiêu chí làng sinh thái thích ứng với biến đổi khí hậu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long	3	Có	Tài nguyên và Môi trường, ISSN 1859-1477			23, 181, 20-24	2013
31.	Mô hình làng sinh thái thích ứng với Biến đổi khí hậu khu vực dân cư nông thôn, ven biển tỉnh Cà Mau và vùng phụ cận	3	Có	Tài nguyên và Môi trường, ISSN 1859-1477			23, 181, 25-27	2013
32.	Kết quả nghiên cứu công nghệ xử lý nước rác cho các bãi chôn lấp quy mô thị trấn, thị tứ	4	Có	Môi trường, ISSN 1859-042X			Số 6/2013, 30-33	2013

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
33.	Đề xuất mô hình nhà ở và nhà sinh hoạt cộng đồng cho làng sinh thái khu vực dân cư nông thôn ven biển Đồng bằng Sông Cửu Long	3	Có	Tài nguyên và Môi trường, ISSN 1859-1477			3, 185, 20-23	2014
34.	Xây dựng quy hoạch sử dụng biển Việt Nam	2	Không	Tạp chí Môi trường, ISSN 1859-042X			Số 7/2017, 15-18	2017
35.	Nghiên cứu thiết lập mô hình tính toán phát thải khí nhà kính từ hệ thống xử lý nước thải công nghiệp giấy tại Việt Nam	3	Không	Tạp chí Xây dựng, ISSN 0866-8762			Số 1.2019 158-161	2019
36.	Nghiên cứu thiết lập mô hình số tính toán phát thải khí nhà kính từ một số hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại Việt Nam	3	Không	Tạp chí Xây dựng, ISSN 0866-8762			Số 3.2019 137-140	2019
37.	Nghiên cứu thiết lập mô hình tính toán phát thải khí nhà kính từ hệ thống xử lý nước thải tại Việt Nam	3	Không	Hóa học và ứng dụng, ISSN 1859-4069			3, 47, 1-7	2019
38.	Nghiên cứu đánh giá hiệu quả xử lý T-N và COD trong nước thải giết mổ gia súc tập trung của chế phẩm vi sinh BIOL	4	Có	Khoa học Biển đôi khí hậu, ISSN 2525-2496			Số 14-T6/2020, 84-91	2020
39.	Nghiên cứu ứng dụng thiết lập phần mềm đào tạo trực tuyến về đánh giá tác động môi trường	3	Có	Môi trường, ISSN 2615-9597			Chuyên đề IV, T12/2020 77-79	2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
40.	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành tài nguyên và môi trường	5	Có	Tài nguyên và Môi trường, ISSN 1859-1477			7, 381, 23-25	2022
41.	Estimation of methane Emission from domestic wastewater in Cau river basin by 2039	3	Không	Climate change Science, ISSN 2525-2496			No23.T9. 2022, 69-76	2022
42.	Quản trị an ninh phi truyền thống liên quan biến đổi khí hậu để phát triển bền vững	1	Có	Tạp chí khí tượng thủy văn ISSN 2525-2208 doi:10.36335/VN JHM.2024(766). 91-101			Số 766, 91-101	2024
43.	Tác động của biến đổi khí hậu đến an ninh phi truyền thống	1	Có	Tạp chí khí tượng thủy văn ISSN 2525-2208 doi:10.36335/VN JHM.2024(767). 10-19			Số 767, 10-19	2024
44.	Nghiên cứu, ứng dụng mô hình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại trường học và hộ gia đình phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn	3	Có	Tạp chí khí tượng thủy văn, ISSN 2525-2208 doi:10.36335/VN JHM.2024(767). 45-55			Số 767, 45-55	2024
45.	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường hướng tới kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững	4	Không	Tài nguyên và Môi trường, ISSN 1859-1477			Số T 6/2024, 115-120	2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
46.	Communities responsiveness on climate change and natural hazards towards sustainable cities: An empirical study of Da Nang, Vietnam	1	Có	VNU Journal of Science: Earth and Environmental Sciences, ISSN 2615-9279 https://doi.org/10.25073/2588-1094/vnuees.5121			Vol. 40, No. 2, 28-39	2024
47.	Modelling the dispersion of dredged material in marine environment using hydrodynamic and sediment transport simulations in Tho Quang Port, Vietnam	4	Có	VNU Journal of Science: Earth and Environmental Sciences, ISSN 2615-9279 https://doi.org/10.25073/2588-1094/vnuees.5273			Vol.41, No.2, 34-51	2025
48.	Tận thu hợp chất sinh học và pectin từ vỏ sấu riêng (Durio Zibethingnus murr) hướng đến giảm ô nhiễm và phát triển sản phẩm giá trị gia tăng	3	Không	Môi trường, ISSN 2615-9597			Kỳ I - 2025, 64-67	2025
49.	Chiết xuất alginate từ rong biển trôi dạt và ứng dụng tạo hạt cầm máu sinh học	2	Có	Tạp chí Khoa học Tài nguyên và môi trường ISSN 0866-7608			Số 56, 73-79	2025
50.	Đánh giá tính phù hợp của phương án nhận chìm vật liệu nạo vét theo tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế. Vùng nghiên cứu ứng dụng tại khu vực biển Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	1	Có	Tạp chí Khoa học Tài nguyên và môi trường ISSN 0866-7608			Số 56, 177-191	2025

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
II.3 Báo cáo khoa học								
51.	Đánh giá thực trạng hệ thống chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ngành tài nguyên và môi trường	4	Có	Kỷ yếu hội thảo Khoa học Quốc gia: giải pháp kết nối và chia sẻ hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác đào tạo, quản lý lĩnh vực tài nguyên và môi trường, ISBN: 978-604-9988			131-139	2021
52.	Model of domestic solid waste classification and micorbiological composting of households: a case study in Dai Tao village, Xuan Giang communu, socson district, Ha Noi, Viet Nam	2	Có	Proceeding of International Symposium Hanoi Geoengineering 2022, ISBN: 978-604-352-470-3			531-540	2022
53.	Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế phục vụ xây dựng Chương trình bồi dưỡng cán bộ khoa học và công nghệ ngành tài nguyên và môi trường	2	Có	Kỷ yếu, Hội nghị khoa học toàn quốc Trái đất, Môi trường bền vững lần thứ V, ISBN 978-604-357-121-9			271-282	2022
54.	Quản lý bền vững rừng ngập mặn để ứng phó thông minh với Biến đổi khí hậu	1	Có	Kỷ yếu hội nghị khoa học toàn quốc: Địa hóa, môi trường và phát triển bền vững, ISBN: 978-604-357-130-1			420-432	2023
55.	Phát triển bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu khu vực ven sông Hậu: tiếp cận từ khung sinh kế bền vững	1	Có	Kỷ yếu hội nghị khoa học toàn quốc: Địa hóa, môi trường và phát triển bền vững, ISBN: 978-604-357-130-1			433-443	2023

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: **03 [11, 12, 15]**.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích:

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	Không				

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1	Không				

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: Không

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Không					

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS:

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):...

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....
+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS): ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:.....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS): ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS): ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:.....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:.....

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:.....

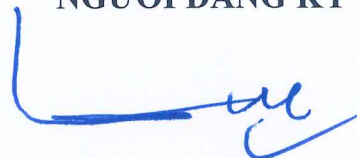
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:.....

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Nguyễn Đức Toàn